

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 885/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; thường trú: Số 1210/13B2, khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985; thường trú: Số 524/3B, khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Ng tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2004, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố A, tỉnh D. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Số 524/3B, khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh D. Quá trình chung sống, năm 2004 vợ chồng có với nhau một người con chung, khi cháu vừa được 01 tháng tuổi thì chị Ng bỏ nhà đi, không để lại thư hay lời nhắn nào cho anh. Anh T không biết và không có tin tức gì trong một thời gian dài. Năm 2019, anh T đã làm thủ tục tuyên bố chị Ng mất tích và Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh D đã tuyên bố chị Ng mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 11/2019/QDST-VDS ngày 16/9/2019. Nay anh T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ng để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/5/2004. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ng:* Chị Ng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2004 và bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 11/2019/QDST-VDS ngày 16/9/2019. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì từ ngày bị tuyên bố mất tích, chị Ng không trở về địa phương và địa phương cũng không có tin tức gì của chị Ng. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 18/3/2021 và 13/4/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Ng đã bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố mất tích và không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã tổng đạt hợp lệ. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Ng là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố A, tỉnh D theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/Kh/04 quyển số 01 ngày 18/5/2004 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau một người con chung, khi con chung vừa được 01 tháng tuổi thì chị Ng bỏ nhà đi, không để lại thư hay lời nhắn nào cho anh T. Anh T không biết và không có tin tức gì trong một thời gian dài. Xét thấy, chị Ng đã bỏ đi từ năm 2004 đến nay không chung sống với anh T và cũng không có mặt tại nơi cư trú, không có tin tức gì kể từ khi Tòa án tuyên bố chị Ng mất tích cho đến nay, thể hiện vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa anh T và chị Ng không đạt được và anh T, chị Ng cũng không thể chung sống đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị Ng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/5/2004, từ khi sinh con đến nay anh T một mình nuôi con, chị Ng đã bỏ đi không còn quan tâm, chăm sóc con chung. Yêu cầu nuôi con của anh T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/Kh/04 quyển số 01 do UBND phường H, thành phố A, tỉnh D cấp ngày 18/5/2004).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng giao con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/5/2004 cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Ng có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048807 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- UBND phường H, thành phố A,
tỉnh Bình Dương (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam